

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 253/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm: 1986.

* Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: ấp A 2, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Trần Văn N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Trần Văn N thống nhất xác định có 01 con chung tên Trần Long N1 – sinh ngày 17/9/2008. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Bé T và anh Trần Văn N thống nhất giao cháu Trần Long N1 cho chị Nguyễn Thị Bé T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Long N1.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Trần Văn N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về nợ chung phải thu, phải trả:** Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Trần Văn N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Bé T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰ 0009893 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Số tiền còn lại 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Bé T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Phạm Thị Lanh